

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05- 4- 2022

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TB-TLVA ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14- 3-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30-3- 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTMP; địa chỉ: Số 66/181 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh BHC; địa chỉ: Số 66/181 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05- 10- 2021 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTMP trình bày:

Chị NTMP và anh BHC xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng từ ngày 22- 4- 2007. Trong thời gian chung sống, chị NTMP và anh BHC phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Ngày 08- 02- 2021 chị NTMP đã nộp đơn xin ly hôn anh BHC tại Tòa án nhân

dân quận Hồng Bàng, sau đó chị rút đơn xin ly hôn anh BHC. Ngày 06- 8- 2021 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Mâu thuẫn giữa chị NTMP và anh BHC không khắc phục được. Nay thấy rằng cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị NTMP đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết được ly hôn với anh BHC.

Về con chung: Có 02 con chung là D, sinh ngày 06-8-2007 và E, sinh ngày 12-4-2017. Chị NTMP có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung E và để anh BHC nuôi dưỡng con chung D. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị NTMP và anh BHC tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị NTMP không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 21- 02- 2022, bị đơn, anh BHC trình bày như sau: Anh BHC đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc thụ lý giải quyết ly hôn của anh BHC và chị NTMP. Anh BHC và chị NTMP xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng từ ngày 22- 4- 2007. Trong thời gian chung sống, hai bên xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa anh và chị NTMP đã được bố, mẹ, bạn bè hai bên khuyên giải, khuyên nhủ nhưng anh chị vẫn không thể hòa hợp sống cùng nhau được. Vì vậy, chị NTMP đề nghị được ly hôn với anh BHC, anh BHC đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh BHC đang công tác, do tình hình dịch bệnh Covid nên anh BHC không thể đến Tòa án được. Anh BHC đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Về con chung: Có 02 con chung anh BHC thống nhất với chị NTMP là con chung do anh BHC hay chị NTMP trực tiếp nuôi dưỡng đều không ai được ngăn cản việc thăm nuôi, để cho 2 anh em cháu D, cháu E thường xuyên sống và vui chơi cùng nhau, không bị tách xa nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là D, sinh ngày 06-8-2007 và E, sinh ngày 12-4-2017. Anh BHC có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung D và để chị NTMP nuôi dưỡng con chung E. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị NTMP và anh BHC tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh BHC không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTMP trình bày: Chị NTMP chấp nhận ý kiến của anh BHC về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của

các đương sự; việc thu thập chứng cứ; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định tại các điều 28, 35, 39, 48, 49, 97, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị NTMP và anh BHC được ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là D, sinh ngày 06-8-2007 và E, sinh ngày 12-4-2017. Giao con chung Echo chị NTMP trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung D cho anh BHC trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh BHC; địa chỉ: Số 66/181 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị NTMP thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của những người được triệu tập đến phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, đã có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, chị NTMP và anh BHC xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, việc xác minh tại tổ dân phố, xét thấy: Quá trình chung sống giữa chị NTMP và anh BHC đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị NTMP được ly hôn với anh BHC là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là D, sinh ngày 06-8-2007 và E, sinh ngày 12-4-2017. Xét thấy, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung E và để bị đơn nuôi dưỡng con chung D, bị đơn có nguyện vọng được

trực tiếp nuôi dưỡng con chung D và để nguyên đơn nuôi dưỡng con chung E. Vì vậy, việc giao con chung Echo chị NTMP trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung D cho anh BHC trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi và các quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[6] Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NTMP và anh BHC đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp, các bên có tranh chấp về việc phân chia tài sản chung, thì có quyền giải quyết bằng vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền.

[8] Về án phí: Chị NTMP phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009573 ngày 23-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị NTMP đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NTMP và anh BHC được ly hôn.
2. Về con chung: Có 02 con chung là D, sinh ngày 06-8-2007 và E, sinh ngày 12-4-2017. Giao con chung E cho chị NTMP trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung D cho anh BHC trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Do hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3. Về tài sản chung: Do hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:Chị NTMP phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn)đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn)đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009573 ngày 23- 12 -2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị NTMP đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5.Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, quận C thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền